

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND
Doanh thu bộ phận	6.547.957.520.055	1.981.170.795.028	220.654.784.354	262.072.929.202	96.669.022.806	98.677.149.735	(6.375.213.597)	(27.035.598.431)	6.858.906.113.618	2.314.885.275.534
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	(15.195.644.453)	(13.983.415.505)	-	-	(20.437.151)	(219.442.422)	-	-	(15.216.081.604)	(14.202.857.927)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(6.326.344.408.151)	(1.825.686.339.707)	(175.234.013.961)	(236.927.529.124)	(79.633.231.576)	(86.260.670.626)	5.971.047.453	26.872.717.920	(6.575.240.606.235)	(2.122.001.821.537)
Lợi nhuận gộp bộ phận	206.417.467.451	141.501.039.816	45.420.770.393	25.145.400.078	17.015.354.079	12.197.036.687	(404.166.144)	(162.880.511)	268.449.425.779	178.680.596.070
Kết quả bộ phận	128.446.174.997	86.586.569.472	14.849.320.613	2.266.617.011	3.998.846.681	4.588.482.529	(404.166.144)	(162.880.511)	146.890.176.147	93.278.788.501
Doanh thu không phân bổ									19.493.791.733	12.758.423.138
Chi phí không phân bổ									(22.838.325.847)	(33.038.323.216)
Mua sắm tài sản	9.049.530.145	183.541.299.354	6.116.102.100	47.704.502.755	2.098.942.426	9.142.765.640	-	-	17.264.574.671	240.388.567.749
Khấu hao	4.573.161.493	4.447.646.351	2.101.631.954	2.033.364.747	1.907.538.219	1.157.600.011	-	-	8.582.331.666	7.638.611.109
Phân bổ	1.856.442.471	875.592.794	10.940.273.956	10.099.909.132	94.443.012	94.443.012	-	-	12.891.159.439	11.069.944.938

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Hợp nhất	
	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND
Tài sản của bộ phận	1.101.686.131.641	991.844.578.368	206.453.469.595	128.779.360.866	103.678.556.148	112.793.367.708	1.411.818.157.384	1.233.417.306.942
Tài sản không phân bổ							490.725.982.499	449.714.522.080
							<u>1.902.544.139.883</u>	<u>1.683.131.829.022</u>
Nợ phải trả của bộ phận	(672.135.986.848)	(534.384.575.669)	(99.217.443.243)	(104.018.710.137)	(71.316.887.561)	(80.409.918.856)	(842.670.317.652)	(718.813.204.662)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Trong thông tin trình bày trên cơ sở bộ phận chia theo vùng địa lý, doanh thu bộ phận dựa trên vị trí địa lý của khách hàng trong nước (“Nội địa”) hoặc nước ngoài (“Nước ngoài”).

	Nội địa		Nước ngoài		Hợp nhất	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND
Doanh thu thuần	3.258.136.377.746	2.201.108.774.471	3.585.553.654.268	99.573.643.136	6.843.690.032.014	2.300.682.417.607
Giá vốn hàng bán	(3.049.492.165.502)	(2.029.339.518.076)	(3.525.748.440.733)	(92.662.303.461)	(6.575.240.606.235)	(2.122.001.821.537)
Thu nhập bộ phận	208.644.212.244	171.769.256.395	59.805.213.535	6.911.339.675	268.449.425.779	178.680.596.070

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	8.818.770.530	7.746.508.549
Tiền gửi ngân hàng	194.109.972.203	70.985.153.443
Các khoản tương đương tiền		
▪ Tiền đang chuyển	47.959.500	175.816.999
▪ Vàng	132.361.832.104	131.550.648.521
	335.338.534.337	210.458.127.512

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 có số tiền tệ khác VNĐ của Tập đoàn tương đương 148 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 11 tỷ VNĐ);

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 có 165 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 42 tỷ VNĐ) bị hạn chế sử dụng cho mục đích kinh doanh vàng.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Hợp đồng ủy thác đầu tư	37.094.998.056	15.940.998.056
Cho công ty An Cư Đông Á, một công ty liên kết vay	21.813.375.440	-
Phải thu từ công đoàn	822.961.688	-
Cho các công ty khác vay	1.696.151.002	2.474.281.199
Phải thu từ các dịch vụ cầm cố	1.504.600.000	2.457.150.000
Cho cổ đông vay	945.005.000	945.005.000
Khác	2.240.608.408	2.918.584.245
	66.117.699.594	24.736.018.500

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho các công ty liên kết và cổ đông vay không bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu.

Không có biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	30/6/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	431.466.273	103.473.521
Nguyên vật liệu	23.904.918.702	19.456.742.861
Công cụ và dụng cụ	7.936.514.733	7.962.998.072
Sản xuất kinh doanh dở dang	3.327.002.684	3.418.376.001
Thành phẩm	40.853.923.957	61.634.829.169
Hàng hóa tồn kho	352.933.070.820	374.484.636.885
Hàng gửi đi bán	8.421.998.228	8.297.255.244
	<hr/>	<hr/>
	437.808.895.397	475.358.311.753
Dự phòng hàng tồn kho	(2.337.642)	(2.337.642)
	<hr/>	<hr/>
	437.806.557.755	475.355.974.111
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị Văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	44.553.594.540	111.759.169.844	9.895.583.196	19.386.322.028	185.594.669.608
Tăng trong kỳ	-	3.194.715.880	594.548.553		3.789.264.433
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.024.430.481	11.946.199.206	-	-	15.970.629.687
Số dư cuối kỳ	48.578.025.021	126.900.084.930	10.490.131.749	19.386.322.028	205.354.563.728
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	20.824.132.175	64.020.857.803	5.444.850.466	9.204.808.605	99.494.649.049
Khấu hao trong kỳ	1.795.697.640	4.973.015.845	1.016.863.891	796.754.290	8.582.331.666
Số dư cuối kỳ	22.619.829.815	68.993.873.648	6.461.714.357	10.001.562.895	108.076.980.715
Giá trị còn lại					
Số dư cuối kỳ	25.958.195.206	57.906.211.282	4.028.417.392	9.384.759.133	97.277.583.013
Số dư đầu kỳ	23.729.462.365	47.738.312.041	4.450.732.730	10.181.513.423	86.100.020.559

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 48.377 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 47.088 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 20.236 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 13.609 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	201.232.737.638	392.149.297	201.624.886.935
Tăng trong kỳ	-	493.419.713	493.419.713
Số dư cuối kỳ	201.232.737.638	885.569.010	202.118.306.648
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	897.208.562	186.156.806	1.083.365.368
Phân bổ trong kỳ	94.443.012	46.616.328	141.059.340
Số dư cuối kỳ	991.651.574	232.773.134	1.224.424.708
Giá trị còn lại			
Số dư cuối kỳ	200.241.086.064	652.795.876	200.893.881.940
Số dư đầu kỳ	200.335.529.076	205.992.491	200.541.521.567

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Số dư đầu kỳ	25.124.318.854	630.038.000	630.038.000
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	2.467.554.424	2.467.554.424
Tăng trong kỳ	5.600.398.817	195.560.410.750	167.745.956.126
Chuyển sang tài sản cố định	(15.970.629.687)	(173.533.684.320)	(476.487.918)
Số dư cuối kỳ	14.754.087.984	25.124.318.854	170.367.060.632

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

10. Đầu tư dài hạn

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á(a)	71.115.444.317	46.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (b)	67.556.866.885	56.931.295.680
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (c)	4.621.382.897	-
Đầu tư dài hạn khác:		
▪ Ngân hàng Đông Á	232.151.913.400	232.151.913.400
▪ Bất động sản M&C Sài Gòn	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Công ty Cổ phần Kinh Đô Land	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Quê Hương Liberty	37.500.000.000	37.500.000.000
▪ Trái phiếu chính phủ	200.000.000	450.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.800.000.000)	(11.899.062.000)
	490.725.982.499	449.714.522.080

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 23.36% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng; cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và làm đại lý bất động sản; kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 29.52% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty đã niêm được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm xăng và dầu; công cụ thương mại, dụng cụ và máy móc xăng dầu và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; dịch vụ vận tải, cho thuê và dịch vụ xây dựng.
- c. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 20% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	103.131.295.680	36.061.556.680
Đầu tư mới	34.322.045.000	79.069.739.000
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	5.840.353.419	-
Thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	-	(12.000.000.000)
	<u>143.293.694.099</u>	<u>103.131.295.680</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Đầu tư dài hạn		Đầu tư ngắn hạn	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Số dư đầu kỳ	11.899.062.000	-	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	-	-	8.772.010.360
Hoàn nhập	(1.099.062.000)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>10.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.772.010.360</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, đầu tư dài hạn khác bao gồm cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 169 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 141 tỷ VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

11. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	30/6/2009		31/12/2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	57,63%	57,63%	57,63%	57,63%
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	573/2 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	23,36%	23,36%	15%	15%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	29,52%	29,52%	30,62%	30,62%
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	Số 7 Phan Chu Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	-	-

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bình khí đốt VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	142.434.828.477	11.993.106.008	154.427.934.485
Tăng trong kỳ	5.421.482.000	1.960.009.708	7.381.491.708
Phân bổ trong kỳ	(10.365.204.132)	(1.841.996.629)	(12.207.200.761)
Số dư cuối kỳ	137.491.106.345	12.111.119.087	149.602.225.432

13. Tài sản thuế hoãn lại

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	648.003.907	664.929.490
Chi phí phải trả và dự phòng	68.793.967	68.793.967
Lỗ tính thuế mang sang	702.297.051	1.208.787.432
Lỗ chưa thực hiện	392.778.413	392.778.413
	1.811.873.338	2.335.289.302

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Các khoản lỗ mang sang phát sinh bởi Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina từ năm 2005 đến 2006. Lỗ tính thuế có thể được mang sang để cản trừ lợi nhuận chịu thuế cho các năm kế tiếp trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

	VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.257.396.026
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.628.698.013
Phân bổ trong kỳ	542.899.338
Số dư cuối kỳ	2.171.597.351
Giá trị còn lại	
Số dư cuối kỳ	1.085.798.675
Số dư đầu kỳ	1.628.698.013

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Vay ngắn hạn		
▪ Bằng Đô la Mỹ	9.640.194.000	5.239.699.790
▪ Bằng VNĐ	105.030.242.186	106.073.180.088
▪ Bằng vàng	485.774.045.973	357.634.183.027
	600.444.482.159	468.947.062.905
Vay dài hạn đến hạn trả	3.368.864.374	1.243.319.340
	603.813.346.533	470.190.382.245

Khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ các ngân hàng bao gồm khoản vay từ ngân hàng của Công ty và các công ty con. Chi tiết các khoản vay như sau:

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, khoản vay từ ngân hàng của Công ty bao gồm khoản 281.826 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 202.833 triệu VNĐ) không được bảo đảm và khoản 265.028 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 205.271 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 169 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 141 tỷ VNĐ).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm khoản 27.300 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 58.023 VNĐ) không được bảo đảm, khoản 13.390 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 2.820 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi Công ty và khoản 12.900 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: không) được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của các công ty con có giá trị ghi sổ là 12.236 triệu VNĐ.
- Khoản vay bằng Đô la Mỹ, VNĐ và vàng chịu lãi suất trong kỳ lần lượt từ 6.00% đến 10.50% (2008: từ 5.50% đến 8.50%), từ 6.00% đến 15.00% (2008: từ 10.80% đến 21.00%) và từ 4.80% đến 8.70% (2008: từ 4.20% đến 8.70%).

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	5.200.727.906	8.048.410.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.302.834.949	6.741.004.336
Thuế khác	268.918.919	141.441.006
	16.772.481.774	14.930.855.659

17. Chi phí phải trả

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Chi phí lãi vay	595.290.165	1.036.430.633
Tiền thưởng và lương tháng 13	410.932.389	1.228.644.639
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	821.453.978	-
Phí kiểm toán	24.000.000	354.094.000
Thuê nhà	1.568.727.654	1.423.220.144
Chi phí khác	935.084.432	1.565.141.217
	4.355.488.618	5.607.530.633

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

18. Phải trả khác

	30/6/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Phí công đoàn	715.584.477	1.506.790.945
Bảo hiểm xã hội	54.878.356	278.016.138
Bảo hiểm y tế	303.231.101	90.056.075
Cổ tức	112.522.000	971.886.000
Quỹ cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.561.153.386	4.806.928.386
Khác	5.113.599.980	4.679.990.973
	<hr/>	<hr/>
	9.860.969.300	12.333.668.517
	<hr/>	<hr/>

19. Vay dài hạn

	30/6/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Từ Ngân hàng Đông Á		
▪ Khoản vay 1	-	637.573.381
▪ Khoản vay 2	-	769.980.225
▪ Khoản vay 3	-	1.691.767.695
▪ Khoản vay 4	11.791.025.311	14.465.606.311
	<hr/>	<hr/>
	11.791.025.311	17.564.927.612
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(3.368.864.374)	(1.243.319.340)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	8.422.160.937	16.321.608.272
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay 4, bằng Đô la Mỹ, liên quan đến khoản vay của công ty con được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.000 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008 : 10.381 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 11.28% (2008: 10.05%). Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 700.570 Đô la Mỹ và được hoàn trả trong 14 quý bằng nhau, mỗi quý trả 50.000 Đô la Mỹ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	3.299.123.749
Trích lập dự phòng trong kỳ	30.000.000
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(207.096.153)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.122.027.596

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 650.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	30/6/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VND
Số dư đầu kỳ	50.759.929.838	29.963.138.818
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	12.595.210.797
Vốn góp của cổ đông thiểu số	-	2.115.550.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	4.752.815.553	2.547.829.348
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(367.011.271)	-
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(2.081.609.000)	-
Số dư cuối kỳ	53.064.125.120	47.221.728.963

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	578.038.632	2.107.477.373
Cổ tức	6.655.284.000	8.518.642.908
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.055.157.101	1.070.854.190
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	1.099.062.000	-
Doanh thu tài chính khác	106.250.000	1.061.448.667
	19.493.791.733	12.758.423.138

24. Chi phí hoạt động tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Chi phí lãi vay	21.216.453.682	13.407.802.990
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	-	8.772.010.360
Lỗ từ kinh doanh vàng	-	1.822.432.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.616.111.756	9.023.275.914
Chi phí tài chính khác	5.760.409	12.801.775
	22.838.325.847	33.038.323.216

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.917.637.347	19.071.760.680
Dự phòng thiếu những năm trước	68.251.259	-
	33.985.888.806	19.071.760.680
Chi phí thuế hoãn lại		
Lỗi tính thuế đã sử dụng	523.415.964	39.970.902
	34.509.304.570	19.111.731.582

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	155.975.644.851	78.157.405.331
Thuế theo thuế suất của Công ty	38.993.911.213	21.884.073.493
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(105.080.396)	(446.865.489)
Chi phí không được khấu trừ thuế	449.153.341	473.993.737
Thu nhập miễn thuế	(3.398.674.855)	(2.469.404.010)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(1.498.255.992)	(330.066.149)
Dự phòng thiếu những năm trước	68.251.259	-
	34.509.304.570	19.111.731.582

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	25%	Không
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	25%	Giảm 30% thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn năm 2008 và cả năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	25%	Không
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 116.713.524.728 VNĐ (Giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008: 56.497.844.401 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 30.000.000 (ngày 30 tháng 6 năm 2008: 30.000.000), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	116.713.524.728	56.497.844.401
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	116.713.524.728	56.497.844.401

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	30/6/2009	30/6/2008
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 30 tháng 6	30.000.000	30.000.000

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 116.713.524.728 VNĐ (Giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008: 56.497.844.401 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 40.000.000 (ngày 30 tháng 6 năm 2008: 40.000.000), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (suy giảm)

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	116.713.524.728	56.497.844.401
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	116.713.524.728	56.497.844.401

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành (suy giảm)

	30/6/2009	30/6/2008
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cơ bản)	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng sẽ phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (suy giảm) tại ngày 31 tháng 12	40.000.000	40.000.000

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2009, cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng, theo đó các cổ đông hiện hữu sẽ nhận được một cổ phiếu thưởng cho mỗi ba cổ phiếu đang nắm giữ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á		
Cho vay ngắn hạn	36.993.500.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn nhận được	5.000.000.000	6.000.000.000
Mua dịch vụ	12.403.668.108	40.037.460
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.152.468.646	1.656.530.488

28. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	18.587.706.073	3.812.726.570

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND
Trong vòng một năm	7.494.360.470	8.713.228.981
Trong vòng hai đến năm năm	16.882.886.000	18.449.754.703
Sau năm năm	5.410.800.000	4.980.522.384
	29.788.046.470	32.143.506.068

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 VNĐ
Chi phí mua hàng hóa và chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	7.019.453.780.831	1.995.640.127.347
Chi phí nhân công và nhân viên	60.645.829.961	51.486.051.903
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.473.491.105	18.708.556.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.995.131.052	24.479.457.396
Chi phí khác	37.723.260.793	30.791.805.355

30. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2008 (phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã trình bày trước đây) VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.550.648.521	538.609.897.661
Hàng tồn kho	475.358.311.753	68.299.062.613
Đầu tư ngắn hạn	-	24.131.274.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.099.062.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	103.131.295.680	-
Đầu tư dài hạn khác	358.482.288.400	437.482.310.080
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.899.062.000)	(10.800.000.000)

Người lập:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Cúc
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2009